

THÀNH PHẦN LOÀI THỰC VẬT NHẬP CƯ Ở KHU DỰ TRỮ SINH QUYỀN RỪNG NGẬP MẶN CẦN GIỜ

PHẠM VĂN NGỌT*, NGUYỄN THỊ THANH TÂM**, ĐINH QUANG HIẾU***

TÓM TẮT

Ở Khu Dự trữ Sinh quyển (KDTSQ) rừng ngập mặn Cần Giờ, ngoài các loài cây ngập mặn chính thức (True mangroves) và cây tham gia rừng ngập mặn (Mangrove associates), còn có các loài cây nhập cư là những loài nội địa phát tán ra vùng rừng ngập mặn sống ở bờ ao, ven đường. Hiện có 106 loài cây nhập cư sống ven các tuyến đường và khu dân cư ở KDTSQ Cần Giờ, trong đó có 48 loài được ghi nhận mới phát tán đến. Một số loài nhập cư như Mai dương (Mimosa pigra), Trinh nữ móc (Mimosa diplotricha), Cỏ đuôi voi (Pennisetum polystachyon),... sinh trưởng và phát triển mạnh ven đường Rừng Sác, đường Tam Thôn Hiệp đã phá vỡ cảnh quan rừng ngập mặn.

Từ khóa: thực vật, Cần Giờ, rừng ngập mặn, Khu dự trữ Sinh quyển.

ABSTRACT

A study of immigrant plant species composition in Can Gio swamp biosphere reservation

Besides true mangrove plants and associated mangrove plants, Can Gio Swamp Biosphere Reservation also has immigrant plants which are local species immigrating to the swamp and living along the ponds and the roadsides. There are 106 immigrant plant species living along the roadsides and the residential areas in Can Gio Mangrove Biosphere Reserve, including 48 recently recorded immigrant species. Some immigrant plant species such as Mimosa pigra, Mimosa diplotricha, Pennisetum polystachyon, Bidens bipinnata... are rapidly growing and developing strongly along the roadsides of Rung Sac and Tam Thon Hiep and they have destroyed the swamp landscapes.

Keywords: Plant, Can Gio, Mangrove, Biosphere Reserve.

1. Đặt vấn đề

Rừng ngập mặn Cần Giờ đã được UNESCO công nhận là Khu Dự trữ Sinh quyển của thế giới và là KDTSQ đầu tiên của Việt Nam (2001). Theo Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ (2008) thì RNM Cần Giờ có diện tích hơn 30.000 ha, trong đó rừng trồng là 19.448 ha, còn rừng tự nhiên là 11.043 ha. [6]

KDTSQ rừng ngập mặn Cần Giờ có các loài cây ngập mặn chính thức (True mangrove) và cây tham gia RNM (Mangrove associates) tạo thành cảnh quan rừng ngập mặn, ngoài ra còn có các loài cây nhập cư, sống nơi đất cao. Hiện nay, do mở

* TS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

** ThS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

*** CN, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

rộng các khu dân cư và làm đường xá nên có nhiều loài thực vật ở nơi khác đã phát tán đến đây. Bài báo này góp phần cung cấp dẫn liệu về thành phần loài thực vật nhập cư có ở KDTSQ Cần Giờ.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Khảo sát và thu mẫu

Việc thu mẫu được tiến hành qua 3 đợt khảo sát thực địa:

- Đợt 1: từ ngày 13 đến ngày 15 tháng 10 năm 2012;
- Đợt 2: từ ngày 15 đến ngày 17 tháng 12 năm 2012;
- Đợt 3: từ ngày 20 đến ngày 22 tháng 2 năm 2013.

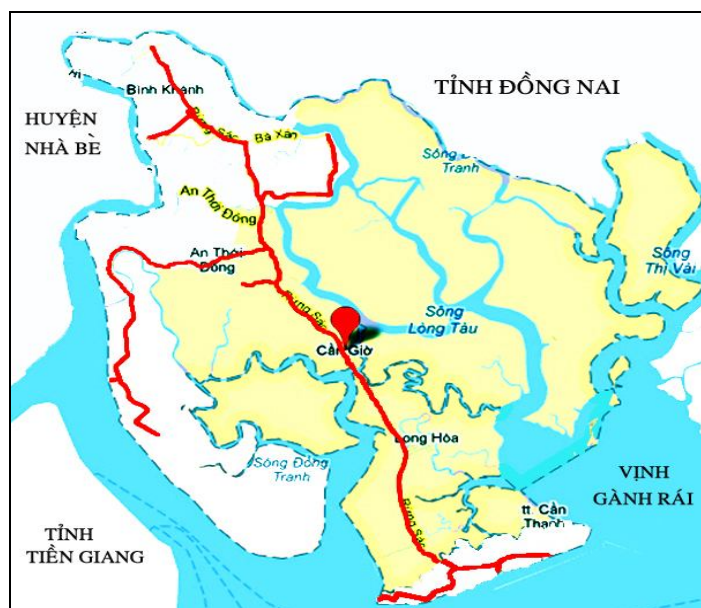
Các mẫu thực vật được thu thập theo các tuyến điều tra là các vùng đất cao, trục đường đường giao thông và khu dân cư qua sơ đồ Hình 1.

2.2. Phương pháp xử lý mẫu và làm tiêu bản

Dựa theo tài liệu *Cẩm nang nghiên cứu đa dạng thực vật* của Nguyễn Nghĩa Thìn (1997) để xử lý và làm tiêu bản thực vật. [3]

2.3. Định loại các mẫu thực vật và xây dựng bảng danh lục

Để xác định tên các taxon, chúng tôi dựa vào các tài liệu chuyên ngành và xây dựng bảng danh lục thực vật KDTSQ Cần Giờ có tham khảo các tác giả đã nghiên cứu trước đây [1], [2], [5]. Ngành Mộc lan (Magnoliophyta) có 2 lớp và trong mỗi lớp xếp các họ theo Brummit (1992). [4]



Hình 1. Sơ đồ tuyến thu mẫu thực vật nhập cư ở KDTSQ Cần Giờ
(—: tuyến thu mẫu)

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thành phần loài

Kết quả khảo sát cho thấy ở ven các tuyến đường của KDTSQ Cần Giờ có 106 loài thực vật nhập cư thuộc 2 ngành: ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) có 1 loài và ngành Mộc lan (Magnoliophyta) có 105 loài thuộc 77 chi với 28 họ.

Họ có số loài nhiều là:

- Họ Đậu (Fabaceae): 27 loài;
- Họ Hòa Thảo (Poaceae): 15 loài;
- Họ Khoa lang (Convolvulaceae): 8 loài;
- Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae): 8 loài ;
- Họ Cói (Cyperaceae): 6 loài.

Danh lục các loài thực vật nhập cư ở KDTSQ Cần Giờ được trình bày ở Bảng 1

Bảng 1. Danh lục thực vật nhập cư ở KDTSQ Cần Giờ

STT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Loại cây
	Phylum 1. Polypodiophyta	Ngành Dương xỉ	
	Fam. 1. Schizeaceae	Họ Bồng bong	
1	<i>L. japonicum</i> (Thunb..) Sw.*	Bồng bong	DL
	Phylum 2. Magnoliophyta	Ngành Mộc lan	
	Class 1. Magnoliopsida	Lớp Mộc lan	
	Fam. 2. Acanthaceae	Họ Ô rô	
2	<i>Hygrophyla salicifolia</i> (Vahl) Nees*	Đình lịch	T
	Fam. 3. Amaranthaceae	Họ Rau dền	
3	<i>Achyranthes aspera</i> L.	Cỏ sứt	T
4	<i>Alternanthera sessilis</i> (L.) A. DC.	Rau dền	T
5	<i>Amaranthus spinosus</i> L.	Rau dền gai	T
6	<i>A. viridis</i> L.	Rau dền	T
7	<i>Celosia argentea</i> L.*	Mào gà đuôi lợn	T
	Fam. 4. Asteraceae	Họ Cúc	
8	<i>Ageratum conyzoides</i> L.	Cỏ cứt heo	T
9	<i>Bidens bipinnata</i> L.*	Râu bộ binh	T
10	<i>Eclipta prostrata</i> (L.) L.	Cỏ mực	T
11	<i>Eupatorium odoratum</i> L.	Yên bạch	B
12	<i>Vernonia cinerea</i> (L.) Less.	Bạch đầu ông	T
	Fam. 5. Capparaceae	Họ Màng màng	
13	<i>Cleome chelidonii</i> L.f. *	Màn màn tím	T
	Fam. 6. Convolvulaceae	Họ Khoai lang	

14	<i>Argyrea capitata</i> (Vahl) Choisy *	Bạc thau hoa đầu	DL
15	<i>Ipomoea maxima</i> (L.f.) G. Don in Sweet *	Bìm đại	DL
16	<i>I. obscura</i> (L.) Ker- Gawl. *	Bìm mờ	DL
17	<i>I. triloba</i> L.	Bìm 3 thùy	DL
18	<i>Merremia hederacea</i> (Burm. f.) Hallier f. *	Bìm hoa vàng	DL
19	<i>M. umbellata</i> (L.) Hallier f. *	Bìm tán	DL
20	<i>Operculina turpethum</i> (L.) S. Manso *	Bìm nắp	DL
21	<i>Xenostegia tridentata</i> (L.) Austin & Staples *	Bìm ba răng	DL
	Fam. 7. Cucurbitaceae	Họ Bầu bí	
22	<i>Coccinia grandis</i> (L.) Voigt *	Mảnh bát	DL
23	<i>Gymnopetalum cochinchinense</i> (Lour.) Kurz*	Cút quạ	DL
24	<i>G. integrifolium</i> (Roxb.) Kurz *	Mướp đất	DL
	Fam. 8. Euphorbiaceae	Họ Thầu dầu	
25	<i>Acalypha indica</i> L.	Tai tượng ấn	T
26	<i>Croton hirtus</i> L. *	Ba đậu tuyến	T
27	<i>Euphorbia heterophylla</i> L. *	Cỏ mũ	T
28	<i>E. hirta</i> L.	Cỏ sữa lá lớn	T
29	<i>E. thymifolia</i> L.	Cỏ sữa lá nhỏ	T
30	<i>Phyllanthus amarus</i> Schum. & Thonn.	Chó đẻ	T
31	<i>P. reticulatus</i> Poir.	Phèn đen	B
32	<i>P. urinaria</i> L.	Chó đẻ răng cưa	T
	Fam. 9. Fabaceae	Họ Đậu	
	Subfam. 1. Caesalpinioideae	Phân họ Muồng	
33	<i>Senna hirsuta</i> (L.) Irwin & Barneby	Muồng lông	T
34	<i>S. alata</i> (L.) Roxb.	Muồng trâu	G
35	<i>S. bicapsularis</i> (L.) Roxb. *	Muồng me	B
36	<i>S. splendida</i> (Vogel) Irwin & Barneby *	Muồng hoa vàng	B
37	<i>S. tora</i> (L.) Roxb.	Muồng lạc	B
	Subfam. 2. Faboideae	Phân họ Đậu	
38	<i>Aeschynomene americana</i> L.	Điền ma	T
39	<i>A. aspera</i> L.	Điền ma nhám	T
40	<i>Alysicarpus vaginalis</i> (L.) DC.	Hàng the	T
41	<i>Cajanus scarabaeoides</i> (L.) Thouars *	Bình đậu	DL
42	<i>Calopogonium mucunoides</i> Desv. *	Đậu lam lông	DL
43	<i>Centrosema pubescens</i> Benth. *	Đậu bướm	DL
44	<i>Crotalaria retusa</i> L. *	Muồng một lá	T
45	<i>Derris scandens</i> (Roxb.) Benth.	Cóc kèn leo	DL
46	<i>Desmodium gangeticum</i> (L.) DC. *	Tràng quả	T
47	<i>D. obolatum</i> Baker ex Kurz	Tràng quả	T

48	<i>D. triflorum</i> DC. *	Tràng quả ba hoa	T
49	<i>Indigofera hirsuta</i> L. *	Chàm lông	T
50	<i>Mucuna pruriens</i> (L.) DC.	Mắc mề	DL
51	<i>Pueraria phaseoloides</i> * (Roxb.) Benth. *	Đậu ma	DL
52	<i>Sesbania cericea</i> (Wild.) Link *	Điên điên tơ	B
53	<i>S. javanica</i> Miq. *	Điên điên phao	B
54	<i>Vigna adenantha</i> (G.Mey.) Marechal, Mascherpa & Stainier *	Đậu hoa tuyến	DL
55	<i>V. luteola</i> (Jacq.) Benth.	Đậu hoang	DL
	Subfam. 3. Mimosoideae	Phân họ Trinh nữ	
56	<i>Albizia kalkora</i> (Roxb.) Prain *	Hợp hoan núi	G
57	<i>Mimosa diplotricha</i> C. Wright ex Sauvalle.	Trinh nữ móc	T
58	<i>M. pigra</i> L.	Mai dương	B
59	<i>M. pudica</i> L.	Mắc cỡ	T
	Fam. 10. Lamiaceae	Họ Hoa môi	
60	<i>Leucas aspera</i> (Willd.) Link *	Mè đất nhám	T
	Fam. 11. Malvaceae	Họ Bông	
61	<i>Sida acuta</i> Burm.f. *	Chổi đực	B
62	<i>S. rhombifolia</i> L. *	Ké hoa vàng	T
63	<i>S. cordifolia</i> L. *	Ké đồng tiền	T
64	<i>Urena lobata</i> L.	Ké hoa đào	B
	Fam. 12. Menispermaceae	Họ Dây mồi	
65	<i>Tiliacora acuminata</i> (Lamk.) Miers. *	Dây sương sâm nhọn	DL
	Fam. 13. Onagraceae	Họ Rau mương	
66	<i>Ludwigia prostrata</i> Roxb.	Rau mương	T
	Fam. 14. Portulacaceae	Họ Ru sam	
67	<i>Portulaca oleracea</i> L. *		T
	Fam. 15. Rhamnaceae	Họ Táo	
68	<i>Ziziphus oenopia</i> (L.) Mill.	Táo rừng	B
	Fam. 16. Rubiaceae	Họ Cà phê	
69	<i>Hedyotis corymbosa</i> (L.) Lamk.	Cóc mần	T
70	<i>H. precox</i> (Pit.) Phamh.	An điền sớm	T
71	<i>Morinda citrifolia</i> L.	Nhàu	G
	Fam. 17. Sapindaceae	Họ Nhãn	
72	<i>Allophylus glaber</i> (Roxb.) Boerl.	Ngoại mộc	B
	Fam. 18. Scrophulariaceae	Họ Hoa mồm sói	
73	<i>Lindernia crustacea</i> (L.) F. Muell. *	Dây lười đồng	T
74	<i>Scoparia dulcis</i> L.	Cam thảo nam	T
	Fam. 19. Solanaceae	Họ Cà	

75	<i>Physalis angulata</i> L.	Thù lù cạnh	T
76	<i>Solanum torvum</i> Sw. *	Cà dại	B
	Fam. 20. Sterculiaceae	Họ Trôm	
77	<i>Melochia corchorifolia</i> L. *	Trứng cua lá bó	T
	Fam. 21. Tiliaceae	Họ Cò ke	
78	<i>Muntingia calabura</i> L. *	Trứng cá	G
	Fam. 22. Ulmaceae	Họ Du	
79	<i>Trema orientalis</i> (L.) Blume *	Hu đay	B
	Fam. 23. Verbenaceae	Họ Cỏ roi ngựa	
80	<i>Gmelina asiatica</i> L.	Tu hú đồng	B
	Fam. 24. Vitaceae	Họ Nho	
81	<i>Cissus modeccoides</i> Planch. *	Chìa vôi	DL
	Class 2. Liliopsida	Lớp Hành	
	Fam. 25. Asparagaceae	Họ Hành	
82	<i>Asparagus cochinchinensis</i> (Lour.) Merr.	Tút thiên	DL
	Fam. 26. Colchicaceae	Họ Bả chó	
83	<i>Gloriosa superba</i> L.	Ngót ngoèo	T
	Fam. 27. Commelinaceae	Họ Thài lài	
84	<i>Commelina bengalensis</i> L.	Trai đầu rìu	T
85	<i>C. communis</i> L.	Rau trai	T
	Fam. 28. Cyperaceae	Họ Cói	
86	<i>Cyperus compressus</i> L.	Cú dẹp	T
87	<i>C. compactus</i> Retz. *	Cói tương gié rậm	T
88	<i>C. difformis</i> L.	Cỏ chao	T
89	<i>C. polystachyos</i> Rottb.	Cú ma	T
90	<i>C. rotundus</i> L.	Cỏ cú	T
91	<i>Scleria ciliaris</i> Nees.	Cương rìa	T
	Fam. 29. Poaceae	Họ Hoà thảo	
92	<i>Axonopus compressus</i> (Sw.) P. Beauv.	Cỏ lá gừng	T
93	<i>Brachiaria mutica</i> (Forsk.) Stapf. *	Cỏ lông tây	T
94	<i>Cenchrus brownii</i> Roem. & Schult. *	Cước	T
95	<i>Chloris barbata</i> Sw.	Cỏ lục lông	T
96	<i>Dactyloctenium aegyptiacum</i> (L.) Willd.	Cỏ chân gà	T
97	<i>Digitaria setigera</i> Roth. ex Roem. & Sch.	Tút hình	T
98	<i>Eleusine indica</i> (L.) Gaertn.	Cỏ mầm trâu	T
99	<i>Eragrostis tenella</i> (L.) P. Beauv. ex Roem. & Sch.	Tinh thảo mảnh	T
100	<i>Imperata cylindrica</i> (L.) P. Beauv.	Cỏ tranh	T
101	<i>Ischaemum indicum</i> (Houtt.) Merr.	Cỏ mồm	T
102	<i>Panicum repens</i> L.	Cỏ ống	T

103	<i>Pennisetum polystachyon</i> (L.) Schult. *	Cỏ đuôi voi	T
104	<i>Rhynchelytrum repens</i> (Willd.) Hubb. *	Hồng nhung	T
105	<i>Saccharum spontaneum</i> L. *	Lách	T
106	<i>Setaria barbata</i> (Lam.) Kunth	Cỏ lá tre	T

Ghi chú: * : loài mới ghi nhận

G: cây gỗ; B: cây bụi; T: cây thảo; DL: dây leo

Qua Bảng 1 cho thấy các loài cây nhập cư được ghi nhận thêm ở RNM Cần Giờ là 48 loài so với kết quả nghiên cứu trước đây của Phạm Văn Ngọt và cộng sự (2006) [2] cho biết ở KDTSQ Cần Giờ ngoài các loài cây ngập mặn chính thức và cây tham gia rừng ngập mặn còn có 100 loài thực vật nhập cư sống trên gò đất cao ở khu vực núi Giồng Chùa (10 ha, thuộc Tiểu khu 14) và ở bờ ao, ven đường.

Do quá trình vận chuyển đất cát từ nơi khác đến để làm đường, xây dựng khu dân cư nên nhiều loài thực vật đã xâm nhập vào Khu DTSQ Cần Giờ. Phần lớn các loài nhập cư là cây thảo một năm, dây leo sống ở ven đường, khu dân cư; chúng sinh trưởng và phát triển mạnh vào mùa mưa (tháng 6 – tháng 12), ra hoa, kết quả rồi tàn lụi vào những tháng mùa khô (tháng 1 – tháng 4). Tuy số lượng loài nhập cư đa dạng, có nhiều hơn trước đây nhưng những loài này không đóng vai trò quan trọng trong việc tạo thành thảm thực vật rừng ngập mặn Cần Giờ. Một số loài nhập cư như Mai dương (*Mimosa pigra*), Trinh nữ móc (*Mimosa diplotricha*), Cỏ đuôi voi (*Pennisetum polystachyon*), Râu bọ binh (*Bidens bipinnata*) sinh trưởng và phát triển mạnh ven đường Rừng Sác, đường Tam Thôn Hiệp đã phá vỡ cảnh quan rừng ngập mặn.

4. Kết luận và đề nghị

KDTSQ rừng ngập mặn Cần Giờ có 106 loài nhập cư, sống nơi đất cao ven các tuyến đường. Quá trình xây dựng các khu dân cư, mở mang đường xá làm cho nhiều loài thực vật ở nơi khác phát tán đến, phá vỡ cảnh quan hệ sinh thái rừng ngập mặn.

Cần theo dõi sự phát tán của 2 loài ngoại lai xâm hại là Mai dương (*Mimosa pigra*) và Trinh nữ móc (*Mimosa diplotricha*).

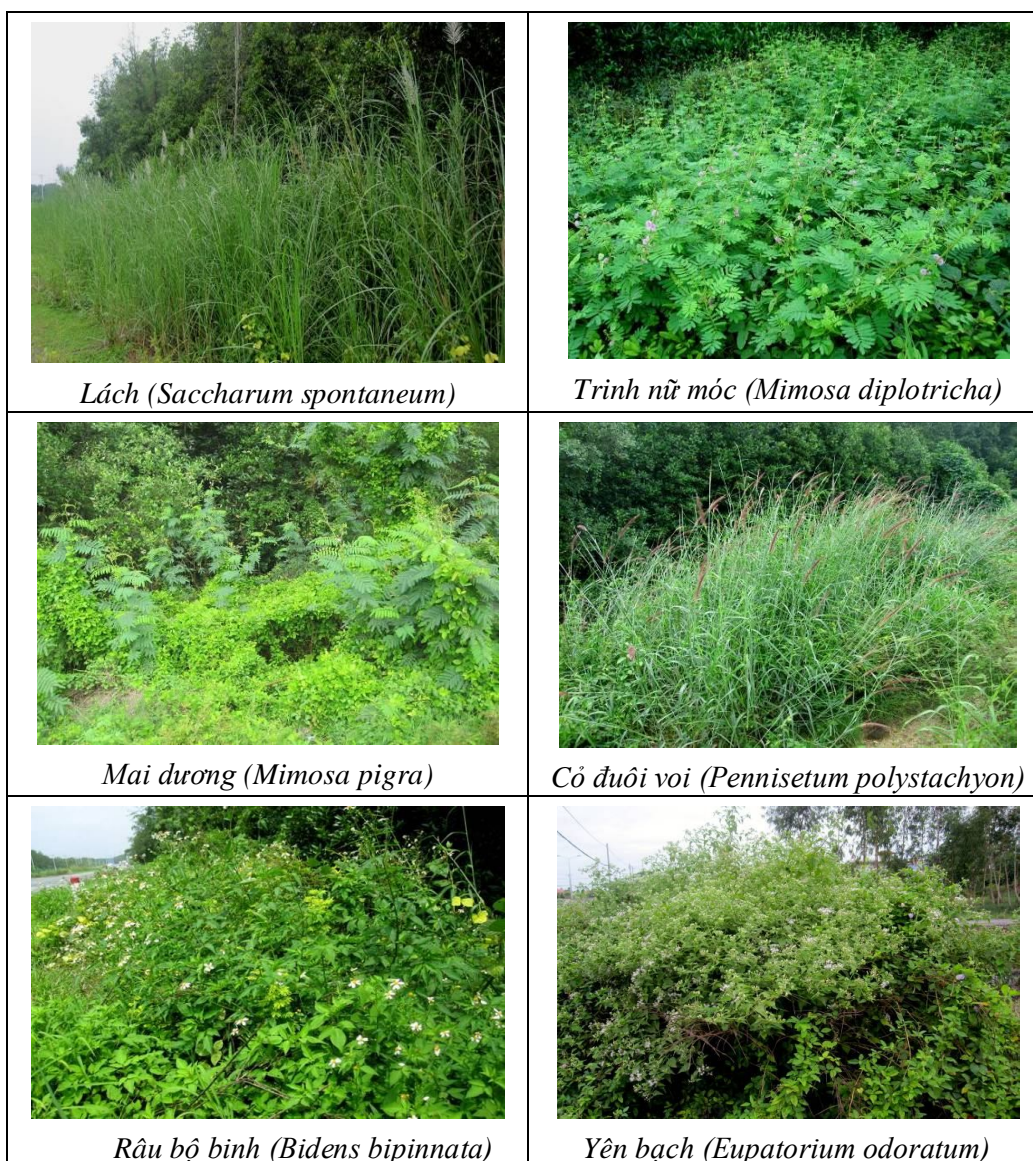
TÀI LIỆU THAM KHẢO









1. Phạm Hoàng Hộ (1999), *Cây cỏ Việt Nam*, quyển I, II, III, Nxb Trẻ.
2. Phạm Văn Ngọt, Viên Ngọc Nam (2006), *Tổng quan và cập nhật thông tin về hệ thực vật rừng ngập mặn Cần Giờ*, Hội nghị Khoa học lần thứ 5 – Tóm tắt nội dung báo cáo khoa học Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia TPHCM, tr.305.
3. Nguyễn Nghĩa Thìn (1997), *Cẩm nang nghiên cứu đa dạng thực vật*, Nxb Nông nghiệp.
4. Brummitt, R. K. (1992), *Vascular plant families and genera*, Royal Botanic Gardens – Kew.

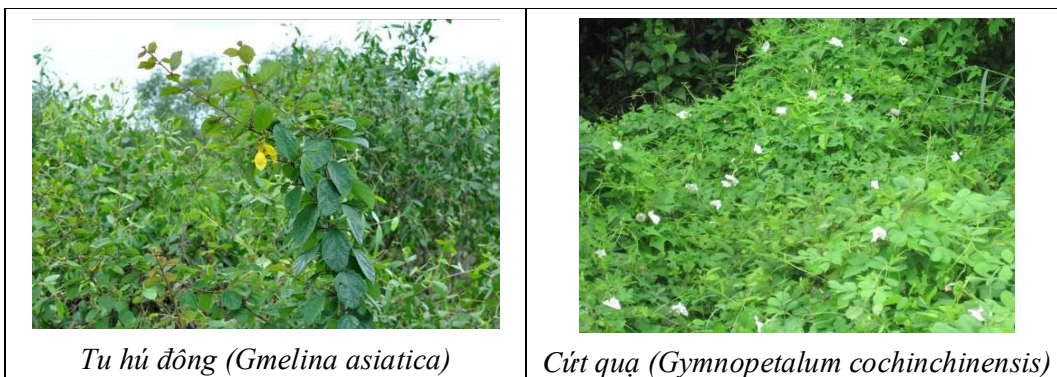
5. Tomlinson, P.B. (1986), *The Botany of mangroves*, Cambridge University Press.
6. Thành quả 30 năm phục hồi, bảo vệ và phát triển hệ sinh thái rừng ngập mặn Cần Giờ (07/08/1978 - 07/08/2008),
<http://www.cangio.hochiminhcity.gov.vn/gioithieu/lists/posts/post.aspx?Source=/gioithieu&Category=R%E1%BB%ABng+ng%E1%BA%ADp+m%E1%BA%B7n&ItemID=25&Mode=1> [Ngày truy cập: 16/12/2012].

PHỤ LỤC

Một số thực vật nhập cư ở KDTSQ Cần Giờ



	
<p><i>Bạc thau hoa đầu (Argyreia capitata)</i></p>	<p><i>Bìm hoa vàng (Merremia hederacea)</i></p>
	
<p><i>Bìm tán (Merremia umbellata)</i></p>	<p><i>Bìm nắp (Operculina turpethum)</i></p>
	
<p><i>Mướp đất (Gymnopetalum integrifolium)</i></p>	<p><i>Cỏ mủ (Euphorbia heterophylla)</i></p>
	
<p><i>Đậu hoa tuyến (Vigna adenantha)</i></p>	<p><i>Cà dại (Solanum torvum)</i></p>



(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 21-7-2013; ngày phân biện đánh giá: 11-9-2013;
ngày chấp nhận đăng: 16-10-2013)